

HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG ƯU ĐÃI TẠO VIỆC LÀM TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2015 - 2024

MAI THỊ QUẾ(*)
NGUYỄN THỊ HƯƠNG(**)

Ngày nhận bài: 18/7/2025 Ngày thẩm định: 22/8/2025 Ngày duyệt đăng: 15/9/2025

Tóm tắt: Chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm hướng đến bảo đảm việc làm, cải thiện thu nhập cho lao động yếu thế, lao động khó khăn về việc làm trước những biến động của thị trường lao động. Chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm ngày càng hoàn thiện theo hướng mở rộng đối tượng thụ hưởng, nguồn vốn tín dụng ưu đãi tăng lên, từ đó khuyến khích người lao động phát triển kinh tế tạo ra nhiều việc làm. Trên cơ sở phân tích kết quả và tác động của chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, bài viết chỉ ra nguyên nhân hạn chế và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách này trong thời gian tới.

Từ khóa: người lao động; Thành phố Hồ Chí Minh; tín dụng ưu đãi tạo việc làm

1. Đặt vấn đề

Tín dụng ưu đãi tạo việc làm là một trong những hợp phần cơ bản, quan trọng của chính sách thị trường lao động chủ động. Thông qua chính sách, pháp luật về tín dụng ưu đãi, Nhà nước tạo điều kiện và hỗ trợ về tài chính với lãi suất ưu đãi nhằm khuyến khích người lao động chủ động phát triển kinh tế, tạo việc làm, cải thiện thu nhập, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội. Tuy nhiên, hiệu quả chính sách hiện vẫn còn nhiều ý kiến trái chiều. Một số nghiên cứu đã chỉ ra những tác động tích cực của chính sách đến vấn đề giải quyết tình trạng thất nghiệp và giảm nghèo; trong khi đó, một số nghiên cứu khác lại cho rằng chính sách gây lãng phí

ngân sách, không hiệu quả. Vấn đề đặt ra là cần đánh giá tổng thể về hiệu quả chính sách, cung cấp cơ sở thực tiễn nhằm đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả trong thời gian tới.

Bài viết đánh giá hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm ở Thành phố Hồ Chí Minh dựa trên mức độ bao phủ của chính sách và tác động của chính sách đối với việc làm và thu nhập của nhóm mục tiêu, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách.

2. Thực trạng hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm

* Kết quả đạt được

Một là, mức độ bao phủ/đối tượng thụ hưởng chính sách mở rộng

Tín dụng ưu đãi tạo việc làm hướng tới bao phủ và can thiệp lực lượng lao động, trong đó đặc biệt ưu tiên cho các nhóm lao động yếu thế, lao động dễ bị tổn thương và lao động gặp khó khăn về việc làm trước những biến động của thị trường lao động. Đối tượng tiếp

(*) và (**) TS, Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

cận chính sách mở rộng đã tạo điều kiện cho nhiều người lao động chủ động phát triển kinh tế tạo việc làm, đặc biệt là lao động khu vực phi chính thức, thất nghiệp, lao động thiếu việc làm. Thống kê cho thấy, số lượt lao động tiếp cận được nguồn vốn vay có xu hướng tăng. Cụ thể, so với giai đoạn 2015 - 2019, giai đoạn 2020 - 2024 tăng lên 53%. Trong 05 năm, Thành phố Hồ Chí Minh đã hỗ trợ vốn vay ưu đãi cho 268.402 lượt, bình quân mỗi năm hỗ trợ 53.680 lượt⁽¹⁾.

Hai là, nguồn vốn tín dụng ưu đãi tạo việc làm ngày càng tăng

Thành phố Hồ Chí Minh có 03 nguồn quỹ tín dụng ưu đãi giải quyết việc làm, gồm: Quỹ quốc gia về việc làm, Quỹ hỗ trợ giảm nghèo và Quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi. Phân tích từ dữ liệu quản lý hành chính, nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ các quỹ được phân bổ ngày càng tăng. Cụ thể, so với giai đoạn 2015 - 2019, giai đoạn 2020 - 2024 tổng nguồn vốn tăng lên 75,9%, Với tổng kinh phí là 15.719.616 triệu đồng, mức vốn vay bình quân là 62,2 triệu/lượt. Trong đó, Quỹ quốc gia về việc làm với số vốn bình quân 64 triệu/lượt vay, Quỹ xóa đói giảm nghèo với số vốn bình quân là 54 triệu đồng/lượt vay, Quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi với số vốn bình quân 29 triệu đồng/lượt vay⁽²⁾.

Nguồn vốn tăng, người lao động có điều kiện mở rộng các hoạt động sản xuất, kinh doanh, duy trì và tạo việc làm. Khu vực nội thành, người lao động đầu tư vào các xưởng sản xuất hoặc thuê mặt bằng kinh doanh, buôn bán; khu vực ngoại thành, người dân đầu tư chăn nuôi và trồng trọt. Điều này gián tiếp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế chung của của Thành phố, đồng thời tăng nhu cầu lao động trên thị trường.

Ba là, chính sách tác động tích cực đến cơ hội việc làm của nhóm mục tiêu

Mục tiêu quan trọng của tín dụng ưu đãi là việc làm và thu nhập của người lao động. Phân tích từ dữ liệu quản lý hành chính và khảo sát người lao động cho thấy, tín dụng

ưu đãi đã giúp cải thiện khả năng tham gia thị trường lao động của người thụ hưởng. Nói cách khác, chính sách tác động theo chiều hướng tích cực đến cơ hội việc làm của người tham gia. Theo thống kê, giai đoạn 2020 - 2024, tín dụng ưu đãi đã hỗ trợ vốn vay cho 268.402 lượt, tạo ra 268.402 việc làm. Mỗi lượt vay vốn đã tạo ra 01 việc làm, bình quân mỗi năm tạo ra 53.680 việc làm⁽³⁾. Tiếp cận dưới góc độ người lao động, tác động của chính sách đến cơ hội việc làm có kết quả khả quan hơn. Với số vốn vay, người lao động dễ dàng tạo việc làm cho bản thân và gia đình. Theo kết quả khảo sát của đề tài “Chính sách chủ động về thị trường lao động đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững tại Thành phố Hồ Chí Minh” do Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện từ tháng 02 - 4/2025, trong số 308 người lao động thụ hưởng tín dụng ưu đãi được khảo sát, 100% người lao động sử dụng vốn vay đúng mục đích phát triển kinh tế tạo việc làm. Trong đó, 39% người lao động vay vốn tạo việc làm mới; 30,2% duy trì và mở rộng việc làm và 30,8% tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho bản thân và cộng đồng. Bình quân mỗi lượt vay vốn tạo ra 1,3 việc làm; trong đó, 69,2% tạo ra 01 việc làm, 29,2% tạo ra 02 việc làm và chỉ có 1% tạo ra 04 việc làm cho mỗi lượt vay⁽⁴⁾.

Bốn là, dưới tác động của chính sách, thu nhập của người lao động được cải thiện

Thu nhập của người lao động thụ hưởng chính sách đã có sự cải thiện đáng kể so với đối tượng không thụ hưởng chính sách. Kết quả khảo sát cho thấy, thu nhập của người lao động thụ hưởng chính sách cao hơn 8,2% so với thu nhập của người lao động không thụ hưởng chính sách với khoảng thời gian làm việc tương đương nhau. Cụ thể, thu nhập bình quân/tháng của người lao động thụ hưởng chính sách là 8,5 triệu đồng và người lao động không thụ hưởng chính sách là 7,8 triệu đồng⁽⁵⁾. Điều này có nghĩa là các biện pháp can thiệp đã tác động tích cực đến thu nhập của đối tượng thụ hưởng chính sách.

* Một số hạn chế

Một là, chính sách còn “bỏ sót” một số nhóm khó khăn về việc làm cần hỗ trợ

Mặc dù chính sách có độ bao phủ tương đối rộng và đối tượng thụ hưởng tăng, nhưng chính sách vẫn chưa bao phủ hết các nhóm khó khăn về việc làm. Theo quy định, đối tượng vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm gồm doanh nghiệp và người lao động, nhưng đối tượng tiếp cận tín dụng ưu đãi tạo việc làm chủ yếu là người lao động. Đặc biệt, trong 10 năm (2015 - 2024), Thành phố Hồ Chí Minh không có doanh nghiệp nào được thụ hưởng tín dụng ưu đãi tạo việc làm từ nguồn Quỹ quốc gia về việc làm⁽⁶⁾. Ngoài ra, nhiều đối tượng khó khăn về việc làm chưa được đưa vào diện thụ hưởng chính sách, gồm lao động thiếu việc làm, thất nghiệp do tái cấu trúc nền kinh tế, lao động có nguy cơ bị sa thải do quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, kinh tế số,...

Hai là, nguồn vốn hạn chế, mức vốn vay thấp so với nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh

Mức vốn cho vay chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế, chưa thúc đẩy mở rộng sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm hiệu quả cho cộng đồng. Theo quy định, đối tượng thụ hưởng tín dụng ưu đãi gồm doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ gia đình, người lao động. Đối tượng vay vốn rộng, yêu cầu nguồn vốn lớn trong khi nguồn lực địa phương rất hạn chế, do đó, chính sách phải hướng đến các nhóm đối tượng ưu tiên.

Ba là, hiệu quả tạo ra nhiều việc làm chưa đạt được mục tiêu

Mục tiêu của tín dụng ưu đãi nhằm đạt được “lợi ích kép”. Lợi ích trực tiếp, người lao động sử dụng các khoản vay để phát triển kinh tế, tạo việc làm cho chính bản thân họ, tức là tạo đầu vào ngay lập tức cho thị trường lao động. Lợi ích gián tiếp, người lao động tự sản xuất, kinh doanh và có thuê thêm lao động - tạo thêm việc làm mới cho cộng đồng. Nói cách khác, mục tiêu của tín dụng ưu đãi nhằm khuyến khích người lao động chủ động sử dụng các khoản vay ưu đãi để phát triển

kinh tế tạo việc làm cho bản thân và cộng đồng. Mặc dù tín dụng ưu đãi đã tác động tích cực đến cơ hội việc làm của người lao động, nhưng đại đa số người lao động thụ hưởng chính sách là lao động phổ thông, lớn tuổi hoặc thất nghiệp muốn tìm kiếm công việc tự kinh doanh. Hoạt động kinh tế cá thể, quy mô nhỏ ở khu vực phi chính thức, tiềm năng tạo ra việc làm hạn chế. Điều đó có nghĩa là mục tiêu gián tiếp tạo ra nhiều việc làm cho cộng đồng chưa đạt hiệu quả cao. Bản chất công việc tự làm thường có tình trạng tài chính không ổn định hoặc thu nhập không đủ để trang trải chi phí tuyên dụng.

Bốn là, mức thu nhập của người lao động tuy được cải thiện, nhưng vẫn còn thấp hơn rất nhiều so với thu nhập bình quân của Thành phố

Thu nhập của người lao động sau khi thụ hưởng chính sách được cải thiện, nhưng vẫn còn khoảng cách đáng kể so với thu nhập bình quân/tháng của lao động làm công hưởng lương của Thành phố Hồ Chí Minh⁽⁷⁾. Mức thu nhập này chỉ bằng khoảng 88,5%, nhưng thời gian làm việc bình quân/tuần lại cao hơn 2,2 giờ⁽⁸⁾. Mức thu nhập này chỉ đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt cơ bản của người lao động và gia đình. Kết quả khảo sát cho thấy, 53,6% người lao động cho rằng, thu nhập từ công việc chỉ đáp ứng “vừa đủ” cho nhu cầu cuộc sống và 27,6% cho biết chi đủ trang trải một phần chi phí sinh hoạt. Tỷ lệ người lao động có thu nhập “dư giả” để đáp ứng các nhu cầu mở rộng, như giáo dục, y tế, tích lũy và giải trí, chỉ chiếm 18,8%⁽⁹⁾.

* Nguyên nhân hạn chế

Một là, việc thiết kế chính sách thiếu tính bao phủ

Các quy định về đối tượng và điều kiện thụ hưởng (độ tuổi, hộ khẩu, phương án sản xuất, kinh doanh, đất sản xuất nông nghiệp, tài sản thế chấp,...) chưa phù hợp với đặc điểm địa phương đã trở thành rào cản trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi tạo việc làm đối với người lao động và doanh nghiệp. Theo quy định, đối tượng thụ hưởng chính

sách phải bảo đảm các điều kiện, gồm: trong tuổi lao động, cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh⁽¹⁰⁾, có đất sản xuất nông nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh vừa và nhỏ phải sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số⁽¹¹⁾. Vì vậy, nhiều người lao động có hoàn cảnh khó khăn sinh sống và làm việc lâu dài, nhưng không có hộ khẩu thường trú tại địa phương; lao động khu vực nông thôn không có đất sản xuất không tiếp cận được tín dụng ưu đãi. Hơn nữa, Thành phố Hồ Chí Minh không có vùng dân tộc thiểu số, doanh nghiệp không bảo đảm điều kiện sử dụng đủ 30% lao động dân tộc thiểu số, lao động khuyết tật. Điều này cho thấy, chính sách chưa tính đến đặc điểm đặc thù của địa phương, do vậy, tính hiệu lực của chính sách chưa cao.

Hai là, chính sách được ban hành nhưng thiếu hướng dẫn triển khai thực hiện

Theo quy định, Quỹ quốc gia về việc làm được hình thành từ 03 nguồn, gồm (1) Ngân sách nhà nước, (2) Nguồn hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và (3) Các nguồn khác⁽¹²⁾. Tuy vậy, hiện chưa có văn bản hướng dẫn làm căn cứ cho việc huy động vốn từ “các nguồn khác” cho Quỹ quốc gia về việc làm. Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm chủ yếu đến từ nguồn huy động của Ngân hàng Chính sách xã hội và nguồn ủy thác của Thành phố Hồ Chí Minh qua Ngân hàng Chính sách xã hội. Từ năm 2016, ngân sách Trung ương không cấp bổ sung vốn cho Quỹ quốc gia về việc làm, nguồn vốn tín dụng ưu đãi chỉ được bổ sung vốn từ một phần tiền lãi cho vay. Trong khi đó, Thành phố Hồ Chí Minh chưa có cơ chế huy động nguồn xã hội hóa cho giải quyết việc làm.

Ba là, nguồn vốn nhân lực và tiềm lực kinh tế của đối tượng thụ hưởng hạn chế

Đa số người lao động thụ hưởng chính sách thuộc nhóm người dễ bị tổn thương trước những rủi ro của thị trường lao động, nguồn vốn con người và tiềm lực kinh tế hạn chế,

chủ yếu là lao động phổ thông (chiếm 81,9%). Hoạt động kinh tế cá thể, việc làm và thu nhập bấp bênh, mức thu nhập phụ thuộc hoàn toàn vào kết quả tự sản xuất, kinh doanh. Hơn nữa, mức vốn vay thấp so với nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh, chỉ đạt 54% - 65% định mức tối đa theo quy định (100 triệu/lượt vay). Kết quả khảo sát cho thấy, trong số 308 người lao động tham gia khảo sát có mức vốn vay ưu đãi bình quân là 64,1 triệu đồng/lượt, đáp ứng trung bình 74,6% nhu cầu sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm; trong đó, có tới 23,1% người lao động cho biết mức vốn vay chỉ đáp ứng dưới 50% nhu cầu⁽¹³⁾. Nguồn vốn hạn chế, người lao động chỉ có thể phát triển kinh tế với quy mô nhỏ, hiệu quả kinh tế thấp.

Theo quy định, mức vay được tính toán dựa trên cơ sở nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng chi trả của đối tượng thụ hưởng, hay nói cách khác, mức vay của hộ được tính căn cứ vào quy mô và lĩnh vực của dự án đầu tư cho sản xuất, kinh doanh trong từng lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp (đầu tư con giống, vật nuôi, phân bón, cây trồng, đánh bắt,...), công nghiệp (trang thiết bị máy móc, nguyên liệu,...) hoặc dịch vụ. Tuy nhiên, mức vốn vay thực tế chủ yếu được tính toán dựa trên nhu cầu tiền vốn dùng để sản xuất, kinh doanh nhỏ, sử dụng sức lao động là chủ yếu. Do vậy, mức vốn vay trung bình/hộ khá thấp so với mức tối đa theo quy định và so với nhu cầu, từ đó chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm

Một là, mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách

Sửa đổi một số quy định về quản lý hành chính không còn phù hợp nhằm tăng độ bao phủ của chính sách: cần cân nhắc bỏ các điều kiện ràng buộc liên quan đến hộ khẩu “cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án”, điều kiện “có đất nông nghiệp canh tác” đối với lao động phát triển kinh tế nông nghiệp nhằm tạo điều kiện cho lao động, đặc biệt là

lao động nghèo, lao động nông thôn không có đất nông nghiệp có thể tiếp cận được nguồn vốn vay sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm. Bên cạnh đó, cần cân nhắc sửa đổi điều kiện thụ hưởng, như “vùng dân tộc thiểu số” thành “dân tộc thiểu số” để các địa phương không có vùng dân tộc thiểu số có thể áp dụng chính sách. Điều chỉnh các điều kiện ràng buộc doanh nghiệp sử dụng “30% lao động người khuyết tật, lao động dân tộc thiểu số,...”, thay vào đó mức vốn vay sẽ được tính dựa trên số lao động dân tộc thiểu số hoặc lao động khuyết tật thực tế được doanh nghiệp sử dụng, như vậy sẽ phù hợp với đặc điểm một số địa phương không có vùng dân tộc thiểu số như Thành phố Hồ Chí Minh. Các văn bản cần sửa đổi, gồm: Luật Việc làm năm 2013, Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ “Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm” và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ “về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ “Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm””.

Bổ sung một số nhóm đối tượng dễ gặp rủi ro về việc làm do những rào cản xã hội. Chính sách hướng tới tăng cường sự tham gia vào thị trường lao động và bảo vệ nhóm dân số dễ bị tổn thương. Trên cơ sở tiếp cận toàn diện và căn cứ vào tình hình thực tiễn, chính sách cần bổ sung một số nhóm mục tiêu, gồm: (1) Lao động đang làm việc nhưng có nguy cơ mất việc làm ngoài ý muốn do tái cấu trúc nền kinh tế, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, quá trình già hóa dân số hoặc do tác động bởi môi trường như thiên tai, dịch bệnh hoặc tương tự; (2) Nhóm người hiện không phải là một phần của thị trường lao động nhưng muốn tham gia thị trường lao động. Trong bối cảnh già hóa dân số nhanh, tỷ lệ người cao tuổi ngày càng tăng, trong đó, nhiều người không có lương hưu, đời sống gặp nhiều khó khăn, do vậy cần bổ sung đối tượng thụ hưởng là người nghỉ hưu/quá tuổi

lao động, đặc biệt là người có đời sống khó khăn, có nhu cầu về tín dụng ưu đãi để tạo việc làm, tăng thu nhập, đảm bảo cuộc sống.

Hai là, hoàn thiện nội dung chính sách

Xây dựng cơ chế huy động nguồn vốn xã hội hóa, bảo đảm nguồn vốn đáp ứng nhu cầu giải quyết việc làm. Nhà nước cần ban hành nhiều văn bản tạo cơ sở pháp lý cho việc huy động nguồn vốn xã hội hóa từ nhiều nguồn (tổ chức, cá nhân) bảo đảm đủ vốn cho vay đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, tạo việc làm của hộ gia đình, cá nhân và doanh nghiệp. Ban hành cơ chế đặc thù, tạo cơ sở cho việc triển khai các giải pháp hỗ trợ vốn vay ưu đãi đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động là người dân tộc thiểu số và lao động khuyết tật.

Ba là, đẩy mạnh công tác thực hiện chính sách

Cán bộ thực hiện tín dụng ưu đãi tại phường, xã, đặc khu và cán bộ tại Ngân hàng Chính sách xã hội cần năng động, sáng tạo, giảm thiểu thủ tục hành chính phức tạp, hỗ trợ người dân tiếp cận nguồn vốn nhanh chóng, thuận tiện; linh hoạt hơn trong việc xác định đối tượng thụ hưởng. Đồng thời, cần kịp thời phản hồi về chính sách không phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, tạo cơ sở đề xuất các phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện chính sách.

Chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan chủ động bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn. Ưu tiên khu vực kinh tế phi chính thức, nơi tập trung nhiều lao động phổ thông, lao động thuộc nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, dễ gặp rủi ro về việc làm, thiếu sự bảo đảm về an sinh xã hội.

Đẩy mạnh việc huy động vốn từ nhiều nguồn (tổ chức, đoàn thể, cá nhân) nhằm bảo đảm vốn vay đáp ứng nhu cầu tạo việc làm cho người lao động. Việc sử dụng vốn từ các nguồn quỹ linh hoạt để tránh lãng phí quỹ nhàn rỗi và bảo đảm nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm kịp thời cho người lao động.

Bốn là, đánh giá chương trình tín dụng ưu đãi tạo việc làm

Để nâng cao hiệu quả tín dụng ưu đãi tạo việc làm, cần thực hiện việc đánh giá toàn diện hiệu quả của chương trình. Việc đánh giá cần phải được thực hiện trên đối tượng thụ hưởng, xác định những thuận lợi và khó khăn khi tiếp cận chính sách bảo đảm rằng chính sách đã bao phủ đến các nhóm mục tiêu và “không ai bị bỏ lại phía sau”. Hiệu quả chính sách cần được đánh giá theo từng nhóm đối tượng thụ hưởng và mức vốn được vay, nhằm bảo đảm lợi ích của chính sách với các nhóm mục tiêu trên các lĩnh vực việc làm và thu nhập. Kết quả đánh giá sẽ cung cấp đầu vào, cơ sở thực tiễn cho các chuyên gia, nhà hoạch định chính sách bổ sung và hoàn thiện chương trình, tạo cơ sở pháp lý để triển khai có hiệu quả chính sách trong những năm tiếp theo.

Tóm lại, tín dụng ưu đãi tạo việc làm đã tác động tích cực trên một số khía cạnh nhất định về việc làm và thu nhập của người lao động, nhưng mức độ hiệu quả chưa cao. Chính sách có độ bao phủ rộng nhưng vẫn “bỏ sót” một số nhóm khó khăn trước những rủi ro trên thị trường lao động. Tác động của chính sách đến việc làm theo chiều hướng tích cực nhưng chưa đạt được mục tiêu tạo ra nhiều việc làm mới cho cộng đồng; thu nhập cải thiện so với nhóm lao động không thụ hưởng chính sách nhưng vẫn thấp hơn thu nhập của lao động làm công hưởng lương của Thành phố; việc

làm thiếu tính ổn định và có tính rủi ro cao. Để nâng cao hiệu quả chính sách, trong thời gian tới, Trung ương và địa phương cần tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý, mở rộng độ bao phủ, đa dạng hóa nguồn vốn, nâng mức cho vay phù hợp với thực tế, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để bảo đảm vốn vay được sử dụng đúng mục đích và hiệu quả, góp phần tạo việc làm bền vững □

(1), (2), (3) và (6) Văn bản số 561/BC-NHCS về “Báo cáo kết quả hỗ trợ vốn vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác liên quan để công tác quản lý nhà nước về lao động và việc làm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ năm 2020 đến ngày 30/6/2024”, ngày 24/7/2024

(4), (5), (9) và (13) Báo cáo kết quả khảo sát của đề tài “Chính sách chủ động về thị trường lao động đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững tại Thành phố Hồ Chí Minh” do Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện từ tháng 02 - 4/2025

(7) Chi cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, *Niên giám thống kê Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2025

(8) Tổng cục Thống kê, *Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2023*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2024

(10) và (12) Luật Việc làm năm 2013

(11) Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ “quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm”